

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Điều 212; 213; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 361/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Nguyễn Văn T - Sinh năm 1991
2. Chị Lê Thị T1 - Sinh năm 1991

Cùng địa chỉ: Phố P, Phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 17 tháng 7 năm 2024, các đương sự đã xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, cuộc sống chung không thể tồn tại, nên ông, bà không thể đoàn tụ để tiếp tục chung sống với nhau được nữa và ông, bà đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ những vấn đề trong vụ việc dân sự, nội dung thỏa thuận cụ thể như sau:

[1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị T1 đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh, chị đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị T1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh H sinh ngày 13/6/2012. Ly hôn anh chị thỏa thuận giao cháu Nguyễn Minh H cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu). Thời gian cấp dưỡng kể từ khi có quyết định của Tòa án cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản, công nợ chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị T1 không yêu

cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị T1 thỏa thuận chị T1 chịu toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định của pháp luật. anh T không phải chịu lệ phí.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị T1

- *Về con chung*: Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị T1 thống nhất có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh H sinh ngày 13/6/2012. Ly hôn anh chị thỏa thuận giao cháu Nguyễn Minh H cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu). Thời gian cấp dưỡng kể từ khi có quyết định của Tòa án cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Chị Lê Thị T1 chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị đã nộp 300.000đ, theo biên lai thu số 0001667 ngày 01/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa (chị T1 đã nộp đủ tiền lệ phí).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
 - TAND tỉnh Thanh Hóa;
 - VKSND tỉnh Thanh Hóa;
 - VKSND Tp T;
 - Chi cục THADS Tp Tá;
 - UBND Phường Tx, TP.T;-
- Lưu Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

